

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST
Ngày: 16/6/2023
V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mến.

Ông Trần Văn Chiêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Công ty A (gọi tắt là Công ty).

Địa chỉ: số a đường p, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q, sinh năm 1965 - chức vụ: Tổng Giám đốc – Là đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình S – Chức vụ: Nhân viên Công ty – Là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/6/2021). (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp V, xã T1, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Q, huyện M1, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 12/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty A do anh Nguyễn Đình S là đại diện trình bày: Ngày 01/10/2014 Công ty ký Hợp đồng lao động số 384/HĐLD/2014 với anh Nguyễn Văn T, Công ty phân công anh T làm việc tại vị trí nhân viên thị trường (sales) phụ trách bán hàng cho các đại lý kinh doanh vật tư nông nghiệp khu vực huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian anh T làm việc tại Công ty anh T tự ý bán hàng ngoài hệ thống của Công ty dẫn đến không thu hồi được tiền hàng, gây thất thoát tiền hàng cho Công ty tổng số tiền 741.474.393đ (*theo biên bản làm việc lập ngày 25/11/2017*). Sau đó, anh T đã bồi thường cho Công ty 225.000.000đ, còn nợ lại số tiền 516.474.393đ. Năm 2019, anh T nhờ Công ty khởi kiện anh Huỳnh Thanh Tiên (Chủ Hộ kinh doanh Thanh Tiên) đòi số tiền 181.594.000đ và được Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp giải quyết bằng Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 26/3/2019 nhưng đến nay nguyên đơn chưa nhận được số tiền này. Nguyên đơn khởi kiện anh T yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 516.474.393đ và lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử, tính theo mức lãi suất bằng 10%/năm.

Đối với đại lý Hùng H do bà Huỳnh Ngọc H là chủ Hộ kinh doanh có trả cho Công ty tổng số tiền 56.277.000đ do đại diện của Công ty nhận về giao nộp cho Công ty, việc thỏa thuận giữa anh Hồ Trọng Khang đại diện Công ty với bà Huỳnh Ngọc H và anh T bàn giao công nợ của bà H cho Công ty tự thu, anh T không có trách nhiệm thu Công ty không biết. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền 278.603.393đ và tiền lãi tính mức lãi suất bằng 10%/năm tính thời

gian từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử, tạm tính từ ngày 20/4/2021 đến ngày 17/5/2023 là 24 tháng 27 ngày làm tròn 24 tháng số tiền lãi là 55.720.678đ. Lý do thay đổi yêu cầu khởi kiện là do nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền 56.277.000đ do Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H đã thanh toán cho Công ty và số tiền 181.594.000đ Công ty đã khởi kiện anh Huỳnh Thanh Tiên (Chủ Hộ kinh doanh Thanh Tiên) được Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp giải quyết bằng Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 26/3/2019.

Tại đơn tường trình ngày 01/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thừa nhận có ký hợp đồng lao động với Công ty A và được phân công làm việc như đại diện nguyên đơn trình bày. Thời gian anh làm việc tại Công ty để đạt được doanh số theo chỉ tiêu của Công ty nên anh và một số nhân viên khác phải ôm hàng và bán lẻ cho nhiều đại lý khác với giá thấp hơn giá mua của Công ty dẫn đến thiếu hụt khoản tiền để trả cho Công ty. Ngày 25/11/2017, Công ty làm việc với anh, anh thừa nhận còn nợ số tiền 741.474.393đ, anh có trả lại cho Công ty số tiền 225.000.000đ, còn nợ 516.474.393đ. Sau đó, Công ty có khởi kiện anh Huỳnh Thanh Tiên (Chủ Hộ kinh doanh Thanh Tiên) đòi số tiền 181.594.000đ được Tòa án giải quyết bằng bản án quyết định có hiệu lực pháp luật. Ngày 28/12/2017, Công ty cử anh Hồ Trọng Khang và anh đến gặp bà Huỳnh Ngọc H (Đại lý Hùng H) để đối chiếu công nợ. Bà H cũng xác nhận đã trả dần số tiền nợ cho Công ty nên nợ của bà H đã bàn giao lại cho Công ty, anh yêu cầu khấu trừ số tiền đại lý Hùng H. Ngoài ra, vào tháng 11/2017, Công ty ký hợp đồng lao động với anh, nội dung hợp đồng lao động thỏa thuận cho anh làm nhân viên marketing với mức lương mỗi tháng là 12.000.000đ nhưng từ tháng 11/2017 đến tháng 5/2021 Công ty không trả lương cho anh, Công ty còn nợ tiền lương số tiền 504.000.000đ anh sẽ khởi kiện vụ án khác để yêu cầu khấu trừ số tiền anh còn nợ Công ty. Hiện anh chỉ còn nợ Công ty số tiền 239.239.542đ nên anh đồng ý trả số tiền này.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/11/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan bà Huỳnh Ngọc H trình bày: Ngày 28/12/2017 đại diện Công ty và anh T có đến làm việc đối chiếu công nợ với bà, bà thừa nhận còn nợ Công ty số tiền 96.237.000đ và cam kết trả nợ cho Công ty trong 02 tuần là 10.000.000đ thỏa thuận trả vào ngày 15, ngày 30 hàng tháng. Từ năm 2017 đến nay bà đã trả cho Công ty số tiền 80.237.000đ, hiện còn nợ số tiền là 10.000.000đ. Sau khi đối chiếu công nợ, anh T không có đến gặp bà thu tiền mà do anh Khang và anh Trí thu tiền. Đồng thời, bà xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu theo biên bản làm việc ngày 25/11/2017 là số tiền 238.643.542đ, yêu cầu khấu trừ số tiền nợ của Hộ kinh doanh Thanh Tiên và Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H. Về lãi suất bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm phần lãi vì lỗi chậm trả tiền cho nguyên đơn do đại diện nguyên đơn không đồng ý khấu trừ số tiền của Hộ kinh doanh Thanh Tiên và Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H để anh phải đi lại nhiều lần đến Đồng Tháp để thu thập chứng cứ trong thời điểm dịch bệnh. Đối với số tiền Công ty A còn nợ anh theo Hợp đồng lao động, anh đang khởi kiện Công ty về tranh chấp hợp đồng lao động tại địa chỉ trụ sở của Công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa là hoàn toàn đúng theo quy định. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cơ bản là đúng theo quy định của pháp luật. Không có ý kiến đề nghị khắc phục.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn T trả công nợ cho Công ty A số tiền vốn 238.643.542đ, lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 20/4/2021 đến ngày 16/6/2023 là 25 tháng 26 ngày số tiền là 51.235.167 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 289.878.709đ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả số tiền Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H còn nợ là 39.959.851đ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại số tiền 516.474.393đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất bằng 10%/năm tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử. Hội đồng xét xử nhận thấy, ngày 25/11/2017 đại diện Công ty A làm việc với anh T, anh T thừa nhận chịu trách nhiệm trả lại số tiền thất thoát cho Công ty và đại diện Công ty A đồng ý cho anh T nộp tiền trả dần, đến nay anh T chưa trả xong số tiền theo biên bản làm việc ngày 25/11/2017, Công ty A khởi kiện yêu anh T yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 516.474.393đ, thực tế là yêu cầu anh T trả lại số tiền đã cam kết trả dần cho Công ty A theo biên bản làm việc ngày 25/11/2017. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “*Đòi lại tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 166 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Đình S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc H (Chủ

Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H) có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 12/5/2023 do anh Nguyễn Đình S là người đại diện, yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T trả lại số tiền còn nợ gốc là 278.603.393đ và yêu cầu tính mức lãi suất chậm trả tính bằng 10%/năm, tính lãi thời gian từ ngày nộp đơn khởi kiện 20/4/2021 đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 17/5/2023 là 24 tháng 27 ngày làm tròn 24 tháng số tiền 55.720.678đ, tổng cộng gốc lãi số tiền 334.324.071đ. Nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền 56.277.000đ của Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H đã thanh toán và số tiền 181.594.000đ của Hộ kinh Thanh Tiên. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 01/10/2014, nguyên đơn Công ty A ký Hợp đồng lao động với bị đơn anh Nguyễn Văn T, thời gian anh T làm việc cho Công ty gây thất thoát cho Công ty số tiền 741.474.393đ. Ngày 25/11/2017, anh Nguyễn Đình S đại Công ty A lập biên bản làm việc với anh T, tại biên bản làm việc hai bên xác nhận số tiền công nợ còn treo là 741.474.393đ và anh S đồng ý cho anh T đến ngày 30/11/2017 gửi bản xác nhận công nợ của Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H cho đại lý vùng và giao về Công ty nếu anh T không cung cấp được thì công nợ thuộc về trách nhiệm của anh T. Đồng thời, anh S đưa ra hướng xử lý cho anh T bán lô đất trị giá 225.000.000đ để cân trừ nợ và anh T cam kết thu hồi nợ của đại lý Huỳnh Tiên số tiền 181.000.000đ đến hết ngày 31/12/2017, phần còn lại cho anh T nộp trừ dần theo cam kết. Ngày 28/12/2017, anh T và anh Hồ Trọng Khang (sales Thập Mười) đại diện Công ty A đến làm việc với Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H

đối chiếu công nợ. Bà H thừa nhận còn nợ Công ty số tiền 96.237.000đ và bà H đã trả dần số tiền nợ Công ty, anh S cũng thừa nhận Công ty có nhận của bà H nhiều lần số tiền 56.277.000đ. Năm 2019, Công ty A có khởi kiện anh Huỳnh Thanh Tiên (Chủ Hộ kinh doanh Thanh Tiên) đòi số tiền 181.594.000đ được Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp giải quyết bằng Quyết định số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 26/3/2019 nội dung Quyết định ghi nhận anh Huỳnh Thanh Tiên có nghĩa trả cho Công ty A số tiền 181.594.000đ.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian bị đơn anh Nguyễn Văn T làm việc tại Công ty A có gây thất thoát cho Công ty số 741.474.393đ. Ngày 25/11/2017, anh Nguyễn Đình S đại diện Công ty A làm việc với anh T đã đưa ra hướng xử lý đối với số tiền công nợ của Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H và Hộ kinh doanh Thanh Tiên, số còn lại cho anh T trừ dần. Tuy anh T xử lý khoản nợ của bà Huỳnh Ngọc H và anh Huỳnh Thanh Tiên không đúng thời gian theo cam kết tại biên bản làm việc ngày 25/11/2017 nhưng Công ty A đã nhận số tiền của bà Huỳnh Ngọc H trả là 56.277.000đ và tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 26/3/2019 ghi nhận anh Huỳnh Thanh Tiên (Chủ Hộ kinh doanh Thanh Tiên) có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền 181.594.000đ. Như vậy cho thấy, nguyên đơn đã xác định khoản nợ của Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H và Hộ kinh doanh Thanh Tiên là khoản nợ của Công ty nhưng anh Nguyễn Đình S là đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý khấu trừ khoản nợ của anh Huỳnh Thanh Tiên và số tiền 56.277.000đ đã nhận của bà Huỳnh Ngọc H và thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ vốn 278.603.393đ, trong đó có số tiền 39.959.851đ là khoản nợ còn lại của Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H là không có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[2.3] Xét ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu khấu trừ toàn bộ số tiền 96.237.000đ của Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H và số tiền 181.594.000đ Hộ kinh doanh Thanh Tiên, anh đồng ý trả cho Công ty A số tiền còn nợ 238.643.542đ là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên nên được ghi nhận. Do đó, buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty

A số tiền còn nợ là 238.643.542đ (*Hai trăm ba mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng*) là phù hợp theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty A về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính thời gian từ ngày nộp đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, tại biên bản làm việc ngày 25/11/2017, anh T thừa nhận công nợ còn treo là 741.474.393đ, Công ty A đưa ra hướng xử lý công nợ của Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H, Hộ kinh doanh Thanh Tiên và số tiền 255.000.000đ cản trừ anh T bán lô đất, số còn lại là 238.643.542đ đồng ý cho anh T trừ dần. Nhưng từ ngày 25/11/2017 đến nay anh T không chứng minh được có trừ dần khoản nợ này, lẽ ra Công ty A có quyền yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả lãi chậm trả đối với số tiền còn nợ, tính từ ngày thỏa thuận trừ dần (ngày 25/11/2017) theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự. Nhưng Công ty A yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 20/4/2021 đến ngày xét xử là có lợi cho anh T. Do đó, buộc anh T có nghĩa vụ trả số tiền lãi đối với số tiền 238.643.542đ tính từ ngày 20/4/2021 đến xét xử (ngày 16/6/2023) thời gian là 25 tháng 26 ngày, tính mức lãi suất bằng 10%/năm thành tiền là 51.235.167đ (*Năm mươi một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng*) là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn Công ty A có nghĩa vụ nộp án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận và bị đơn anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp án phí đối với số tiền buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Buộc nguyên đơn Công ty A có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.997.992đ (Tính 39.959.851đ x 5%). Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 14.493.935đ (Tính 289.878.709đ x 5%)

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của

Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty A số tiền còn nợ gốc 238.643.542đ (*Hai trăm ba mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng*) và lãi chậm trả số tiền 51.235.167đ (*Năm mươi một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng*). Tổng cộng vốn và lãi là 289.878.709đ (*Hai trăm tám mươi chín triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm lẻ chín đồng*).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu bị đơn chưa trả xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty A về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả số tiền 39.959.851đ (*Ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi một đồng*) của bà Huỳnh Ngọc H (Đại lý Hùng H) còn nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc nguyên đơn Công ty A có nghĩa vụ nộp số tiền 1.997.992đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0017022 ngày 10/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, còn lại 10.331.008đ (*Mười triệu ba trăm ba mươi một nghìn không trăm lẻ tám đồng*) trả lại cho nguyên đơn.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp số tiền 14.493.935đ
(*Mười bốn triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng*).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Nga